HỒI SỨC CẤP CỨU-CHỐNG ĐỘC

STT	Mã dịch vụ kỹ thuật	Tên dịch vụ kỹ thuật	Loại PT-TT	Ghi chú
		A.TUẦN HOÀN		
1	01.0002.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	T3	
2	01.0006.0215	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	T3	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú
3	01.0008.0100	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	T1	
4	01.0018.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	T1	
5	01.0019.0004	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	T1	
6	01.0032.0299	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	T2	
7	01.0041.0081	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	T1	
		B.HÔ HẤP		
8	01.0053.0075	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	T3	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
9	01.0054.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	T3	
10	01.0055.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	T2	
11	01.0065.0071	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	T2	

12	01.0066.1888	Đặt ống nội khí quản	T1	
13	01.0068.0298	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	T1	
14	01.0071.0120	Mở khí quản cấp cứu	P1	
15	01.0080.0206	Thay canuyn mở khí quản	T3	
16	01.0086.0898	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	T3	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
17	01.0087.0898	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	T2	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
18	01.0097.0111	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	T1	
		Thở máy (01 ngày điều trị)		
19	01.0135.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) [giờ theo thực tế]	T1	
20	01.0144.0209	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	T2	
21	01.0157.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	T2	
		C. THẬN - LỌC MÁU		
22	01.0163.0121	Mở thông bàng quang trên xương mu	T1	
23	01.0164.0210	Thông bàng quang	T3	
24	01.0174.0195	Thận nhân tạo cấp cứu	T1	Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng.
25	01.0175.0196	Thận nhân tạo thường qui	T2	Quả lọc dây máu dùng 6 lần.

		D.THẦN KINH		
26	01.0201.0849	Soi đáy mắt cấp cứu	T3	
27	01.0202.0083	Chọc dịch tuỷ sống	T2	Chưa bao gồm kim chọc dò.
		Đ. TIÊU HÓA		
28	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	T3	
29	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	T2	
30	01.0221.0211	Thụt tháo	T3	
31	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	T3	
32	01.0238.0299	Đo áp lực ổ bụng	T2	
33	01.0239.0001	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	T2	
34	01.0240.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	T2	
		E. XÉT NGHIỆM		
35	01.0281.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)		